

Số: *04* /2022/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày *27* tháng *5* năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ SÁU (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-BDT ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ban Dân tộc, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Thường trực Hội đồng nhân dân,

các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVIII, kỳ họp thứ Sáu (Chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 6 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khoá XV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XVIII;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh
- Công TTĐT tỉnh; TT Công báo-Tin học tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Thào Hồng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2030,
giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 04/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm
2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, là căn cứ để lập kế hoạch nguồn vốn trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2025 (viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị của tỉnh; cấp huyện, cấp xã và các đơn vị sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.
2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến lập, thẩm định, giao kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước; quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc thực Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình, giai đoạn 2021 - 2025.

1. Tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015, Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Phân bổ vốn cần bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, đảm bảo đúng đối tượng, đúng nội dung, không vượt quá tổng mức đầu tư, không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình.

3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh Hà Giang theo Nghị quyết số 07-NQ/ĐH ngày 17/10/2020 Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; các huyện, xã, thôn trong kế hoạch đạt

chuẩn nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và đảm bảo phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; việc phân bổ vốn đầu tư của Chương trình cần tập trung, không phân tán, dàn trải, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù; ưu tiên các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là các công trình giao thông, công trình điện thuộc các xã biên giới bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau.

4. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; đầu tư công trình giao thông kết nối, công trình điện lưới quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các huyện nghèo có nhiều xã biên giới, xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn, thôn biên giới.

5. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.

6. Bố trí vốn ngân sách nhà nước cho sở, ban, ngành để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của Chương trình, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Việc phân bổ vốn kế hoạch hằng năm cho các đơn vị thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.

8. Ngân sách địa phương đối ứng theo tỷ lệ quy định của Trung ương để triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình trên địa bàn tỉnh Hà Giang và ưu tiên đối ứng hỗ trợ thực hiện các dự án, tiểu dự án và lĩnh vực ưu tiên theo mục tiêu Chương trình cụ thể của địa phương giai đoạn 05 năm và hằng năm.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước cho 10 dự án, cụ thể:

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ 100% cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	$0,4 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	$0,4 \times b$
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	$0,225 \times c$
4	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	$30 \times d$
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

b) Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	$0,1 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	$0,03 \times b$
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ 100% cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm	10
2	Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm	01
3	Mỗi dự án tại xã biên giới được tính thêm	5
	Tổng cộng điểm	$X_{k,i}$

b) Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm	0,1
	Tổng cộng điểm	$X_{k,i}$

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

a) Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Phân bổ vốn đầu tư: không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp:

+ Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 5% vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

+ Phân bổ tối thiểu 95% vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	0,004	a	$0,004 \times a$
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.	0,004	b	$0,004 \times b$
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.	0,016	c	$0,016 \times c$
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.	0,1	d	$0,1 \times d$
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ.	0,3	đ	$0,3 \times đ$
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.	0,12	e	$0,12 \times e$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

* Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ 100% cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng được liệu quý (A huyện)	290/A	a	$290/A \times a$
2	Mỗi Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển được liệu ứng dụng công nghệ cao	300	b	$300 \times b$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,l}$

* Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 09% số vốn của tiểu dự án.

- Phân bổ cho cấp huyện tối thiểu 91% vốn của tiểu dự án:

+ Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý: Không quá 10% vốn sự nghiệp của tiểu dự án. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng được liệu quý (A huyện)	310/A	a	310/A x a
2	Mỗi huyện thực hiện xây dựng trung tâm giống cây được liệu quý (B huyện)	270/B	b	270/B x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

+ Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư: Phân bổ tối thiểu 81% vốn sự nghiệp của tiểu dự án. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã đặc biệt khó khăn (gọi tắt là ĐBKK) đồng thời là xã biên giới	1,7	a	1,7 x a
2	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới, thực hiện chuẩn Nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 tính thêm	1,6	b	1,6 x b
3	Mỗi xã ĐBKK có trên 20 thôn	61	c	61 x c
4	Mỗi xã ĐBKK có từ 16 đến 20 thôn	47	d	47 x d
5	Mỗi xã ĐBKK có từ 11 đến 15 thôn	33	đ	33 x đ
6	Mỗi xã ĐBKK có từ 6 đến 10 thôn	21	e	21 x e
7	Mỗi xã ĐBKK có 5 thôn trở xuống	12	g	12 x g
8	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	5	h	5 x h
9	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	i	0,15 x i
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

4. Tiểu dự án 1, Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ 100% cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	15	a	15 x a
2	Cứ 1 km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	b	16 x b
3	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã	40	c	40 x c

4	Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã	8	d	$8 \times d$
5	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	đ	$44 \times đ$
6	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	e	$8 \times e$
7	Cứ 1 km cứng hóa đường giao thông thôn biên giới thực hiện hoàn thành tiêu chí Giao thông theo Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới của tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022-2025	15	g	$15 \times g$
8	Cứ 01 công trình cấp điện cho thôn biên giới để thực hiện hoàn thành tiêu chí Điện thuộc Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới của tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022-2025	50	l	$50 \times l$
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	8,5	a	$8,5 \times a$
2	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới, thực hiện chuẩn Nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 tính thêm	8	b	$8 \times b$
3	Mỗi xã ĐBKK có trên 20 thôn	217	c	$217 \times c$
4	Mỗi xã ĐBKK có từ 16 đến 20 thôn	161	d	$161 \times d$
5	Mỗi xã ĐBKK có từ 11 đến 15 thôn	118	đ	$118 \times đ$
6	Mỗi xã ĐBKK có từ 6 đến 10 thôn	77	e	$77 \times e$
7	Mỗi xã ĐBKK có 5 thôn trở xuống	41	g	$41 \times g$
8	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	h	$0,3 \times h$
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

b) Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	a	$2,5 \times a$
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,8	b	$1,8 \times b$
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	0,86	a	$0,86 \times a$
2	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới, thực hiện chuẩn Nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 tính thêm	0,75	b	$0,75 \times b$
3	Mỗi xã ĐBKK có trên 20 thôn	20	c	$20 \times c$
4	Mỗi xã ĐBKK có từ 16 đến 20 thôn	15	d	$15 \times d$
5	Mỗi xã ĐBKK có từ 11 đến 15 thôn	10	đ	$10 \times đ$
6	Mỗi xã ĐBKK có từ 6 đến 10 thôn	7	e	$7 \times e$
7	Mỗi xã ĐBKK có 5 thôn trở xuống	5	g	$5 \times g$
8	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	h	$0,03 \times h$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ 100% cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	1,446	a	$1,446 \times a$
2	Mỗi phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	b	$1,446 \times b$
3	Mỗi phòng quản lý cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	c	$1,446 \times c$
4	Mỗi nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp	5,784	d	$5,784 \times d$
5	Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	4,5	đ	$4,5 \times đ$
6	Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	4,5	e	$4,5 \times e$
7	Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc bổ sung, nâng cấp	4,5	g	$4,5 \times g$
8	Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	3,759	h	$3,759 \times h$
9	Mỗi công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp	2	k	$2 \times k$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

- Phân bổ vốn sự nghiệp:

+ Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 10% vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

+ Phân bổ tối thiểu 90% vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xoá mù chữ	0,5	a	$0,5 \times a$
2	Mỗi lớp học xoá mù chữ	10	b	$10 \times b$
3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học	0,05	c	$0,05 \times c$
4	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	d	$500 \times d$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phân bổ vốn đầu tư: không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp:

+ Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 42% vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

+ Phân bổ tối thiểu 58% vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,204	a	$0,204 \times a$
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân bổ vốn đầu tư: không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp:

+ Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 10% vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

+ Phân bổ tối thiểu 90% vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	$0,035 \times a$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Phân bổ vốn đầu tư: không.
- Phân bổ vốn sự nghiệp:
- + Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 20% vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

+ Phân bổ tối thiểu 80% vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

Nhóm tiêu chí cơ bản:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,5	a	1,5 x a
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Nhóm tiêu chí ưu tiên:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK có trên 20 thôn	31	a	31 x a
2	Mỗi xã ĐBKK có từ 16 đến 20 thôn	25	b	25 x b
3	Mỗi xã ĐBKK có từ 11 đến 15 thôn	18	c	18 x c
4	Mỗi xã ĐBKK có từ 6 đến 10 thôn	11	d	11 x d
5	Mỗi xã ĐBKK có 5 thôn trở xuống	7	đ	7 x đ
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

a) Phân bổ vốn đầu tư:

- Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 05% vốn của tiểu dự án.

- Phân bổ tối thiểu 95% vốn của tiểu dự án cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu.	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng, bản truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.	60	b	60 x b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2	c	2 x c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.	60	d	60 x d
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	đ	60 x đ
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 45% vốn sự nghiệp phân bổ của dự án.

- Phân bổ tối thiểu 55% vốn sự nghiệp của dự án cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù	50	a	50 x a
2	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi tỉnh vùng đồng bào DTTS và miền núi	10	b	10 x b
3	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số...)	3,5	c	3,5 x c
4	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	d	0,6 x d
5	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá dân gian...)	2	đ	2 x đ
6	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	e	0,5 x e
7	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	g	20 x g
8	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	h	10 x h
9	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	i	3 x i
10	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	k	0,3 x k
11	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	l	0,3 x l
12	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	m	5 x m
	Tổng cộng điểm			$X_{k,l}$

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ 100% cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi trung tâm y tế huyện được đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo	300	a	$300 \times a$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 10% vốn sự nghiệp của dự án.

- Phân bổ tối thiểu 90% vốn sự nghiệp của dự án cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	$50 \times a$
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	$30 \times b$
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	$15 \times c$
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 12% vốn sự nghiệp của dự án.

- Phân bổ tối thiểu 88% vốn sự nghiệp của dự án cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	2	a	$2 \times a$
2	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	0,86	b	$0,86 \times b$
3	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới, thực hiện chuẩn Nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 tính thêm	0,75	c	$0,75 \times c$
4	Mỗi xã ĐBKK có trên 20 thôn	24	d	$24 \times d$
5	Mỗi xã ĐBKK có từ 16 đến 20 thôn	17	d	$17 \times d$
6	Mỗi xã ĐBKK có từ 11 đến 15 thôn	12	e	$12 \times e$
7	Mỗi xã ĐBKK có từ 6 đến 10 thôn	7	g	$7 \times g$
8	Mỗi xã ĐBKK có 5 thôn trở xuống	5	h	$5 \times h$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù.

a) Tiêu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

- Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ 100% cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Mỗi thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư:			
1	- Có từ 55 hộ trở lên	207	a	207 x b
2	- Có từ 30 hộ đến dưới 55 hộ	108	b	108 x c
3	- Có từ 15 hộ đến dưới 30 hộ	54	c	54 x d
4	- Có dưới 15 hộ	22	d	22 x e
	Tổng cộng điểm			X_{k,l}

- Phân bổ vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ DTTS có khó khăn đặc thù	0,15	a	0,15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư:			
	- Có từ 55 hộ trở lên	49	b	49 x b
	- Có từ 30 hộ đến dưới 55 hộ	25	c	25 x c
	- Có từ 15 hộ đến dưới 30 hộ	12	d	12 x d
	- Có dưới 15 hộ	5	đ	5 x đ
	Tổng cộng điểm			X_{k,l}

b) Tiêu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp:

+ Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 16% vốn sự nghiệp của tiêu dự án.

+ Phân bổ tối thiểu 84% vốn sự nghiệp của tiêu dự án cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
	Tổng số			X_{k,l}

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp:

+ Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 67% vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

+ Phân bổ tối thiểu 33% vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	$27 \times a$
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân bổ vốn đầu tư:

+ Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 15% vốn phân bổ của tiểu dự án.

+ Phân bổ tối thiểu 85% số vốn của tiểu dự án cho cấp huyện: áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	$30 \times a$
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	$0,5 \times b$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

- Phân bổ vốn sự nghiệp:

+ Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện dự án: Không quá 67% vốn sự nghiệp phân bổ của tiểu dự án.

+ Phân bổ tối thiểu 33% vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho cấp huyện, áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	$30 \times a$
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	$0,5 \times b$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp:

+ Phân bổ vốn cho Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh: Không quá 55% vốn sự nghiệp của tiểu dự án.

+ Phân bổ tối thiểu 45% vốn của tiểu dự án cho cấp huyện. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng			X_{k,i}

Điều 5. Phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo Điều 4 kèm theo Nghị quyết này.

- Vốn phân bổ cho các huyện, thành phố được xác định theo công thức sau:

Vốn phân bổ cho huyện, thành phố	=	$\frac{\text{Tổng nguồn vốn phân bổ cho các huyện, thành phố}}{\text{Tổng số điểm dự án, tiểu dự án của các huyện, thành phố}}$	x	Tổng số điểm của huyện, thành phố
----------------------------------	---	---	---	-----------------------------------

- Số hộ dân tộc thiểu số và tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK được xác định căn cứ vào số liệu điều tra, rà soát được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều; đơn vị hành chính xã ĐBKK, thôn ĐBKK, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); Số lượng hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư theo kết quả rà soát của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thôn ĐBKK có dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng được xác định theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg; số lượng của một số dự án, tiểu dự án (a, b, c, d, đ, e, f, g, h, i, k, l, m) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được rà soát theo quy định, tổng hợp trong Báo cáo xây dựng các dự án, tiểu dự án.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn thực hiện Chương trình trình Hội đồng nhân dân xem xét quyết định.

2. Trong quá trình tổ chức, thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.